

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025- 2026
LỚP MẪU GIÁO 5 - 6 TUỔI

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	Trẻ biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau, kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay dang ngang, chân bước sang phải sang trái. + Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, 1 chân về sau. <i>- Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần.</i>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.	- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. - Đi nôi bàn chân tiến, lùi.	1, 3, 4, 7, 9

	- Đứng 1 chân và giữ thăng người trong 10 giây.		
3	Trẻ biết kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)	- Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đích theo hiệu lệnh.	3, 5, 6, 7
4	Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m). - Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.	- Tung bóng lên cao và bắt. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng. - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích ngang - Ném trúng đích đứng - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.	1, 2, 3, 5, 6, 8, 9
5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5m, xa 2m). - Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.	- Chạy 18m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100 - 120m. - Bò đích dắc qua 7 điểm. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m, - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên xuống 7 giống thang. - Bật liên tục vào vòng. - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. - Bật xa 40-50cm. - Bật-nhảy từ trên cao xuống (40-45cm). - Bật qua vật cản 15-20cm. - Nhảy lò cò 5m.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
6	Trẻ biết thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bê, nắn.	2
7	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Trẻ biết vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.	- Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung.	

	- Trẻ biết cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Trẻ biết xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Trẻ biết ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Trẻ biết tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya)	- Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.	2
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.			
8	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Trẻ biết thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá.... - Trẻ biết thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	- Trẻ nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm - <i>Trẻ nhận ra thói quen tốt trong dinh dưỡng và vận động.</i>	2
9	Trẻ biết nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	2
10	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để nguội; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt để béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). - <i>Chấp nhận đặc điểm bên ngoài của cơ thể bản thân và người khác.</i>	2
11	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: - Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. - Trẻ tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	1,2
12	Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.		

13	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Trẻ không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Trẻ không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - <i>Thực hiện hành vi văn hóa, vệ sinh trong ăn uống. Trẻ học cách ăn uống lành mạnh và quy tắc, hành vi lịch sự khi ăn uống.</i>	4
14	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Trẻ biết vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Trẻ biết ra nắng đội mũ: đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, hoặc sốt... - Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi. - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	- Trẻ biết lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - <i>Được chăm sóc an toàn cả về thể chất và tinh thần-> quyền của trẻ em đối với nhu cầu được chăm sóc, chẳng hạn như ăn, ngủ và nuôi dưỡng.</i>	2
15	- Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - <i>Trẻ thực hành thói quen tốt liên quan đến an toàn cho bản thân và người khác...</i>	3, 8
16	Trẻ biết những nơi như: Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi dậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	- <i>Trẻ học cách chơi an toàn, các trò chơi lành mạnh.</i> - <i>Các hành vi, quy tắc bảo đảm an toàn cho bản thân và người khác.</i> - <i>Trẻ thực hành tốt thói quen an toàn cá nhân.</i>	
	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Trẻ biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,...		

17	- Trẻ biết không tự ý uống thuốc. - Trẻ biết ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cafe, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.		
18	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Trẻ biết khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Trẻ biết không được ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Trẻ biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	7
19	Trẻ biết thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Trẻ biết đi bộ trên hè; Đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào....	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	7
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
a. Khám phá khoa học			
	Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa? ...	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	

20		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu. - <i>Ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động của các phương tiện giao thông; gây ách tắc giao thông, hỏng công trình đường bộ cầu cống, hỏng các phương tiện giao thông.</i> - <i>Ảnh hưởng của các phương tiện giao thông đối với môi trường; gây ô nhiễm môi trường không khí, gây nên hiệu ứng nhà kính, ảnh hưởng tới sức khỏe con người.</i>	1, 2, 3, 7
21	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả.... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. + <i>Tên gọi</i> + <i>Đặc điểm</i> + <i>Quá trình phát triển</i> + <i>Cách trông và chăm sóc</i> + <i>Môi trường sống</i> - <i>Sự thay đổi bất thường về thời tiết về thời tiết mùa xuân; Đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột.</i> - <i>Ảnh hưởng biến đổi khí hậu đến ngày tết; cuối mùa đông đầu mùa xuân không còn lạnh, nhiều ngày nắng dẫn đến hoa nở sớm, thời tiết những ngày nắng cũng dễ làm ôi thiu bánh chưng, giò và các đồ ăn khác.</i> - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ	5, 6, 8

22	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - <i>Mối quan hệ của thực vật với biến đổi khí hậu và thiên tai.</i> + <i>Ảnh hưởng của thiên tai đối với thực vật; làm hoa dập nát, hoa chết, bị chôn vùi, không phát triển được, nhiều loại sâu bệnh.</i> + <i>Ích lợi của thực vật đối với phòng, chống thiên tai; giữ nước, chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường.</i> - <i>Mối quan hệ của động vật với biến đổi khí hậu và thiên tai.</i> + <i>Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với đời sống động vật; ô nhiễm môi trường, xáo trộn môi trường sống, thiếu nước, giảm nguồn thức ăn, không còn nơi cư trú, chết một số loài động vật, dịch bệnh.</i> - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Thực hiện dự án STEAM.	
23	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. + <i>Tên gọi, phân bố.</i> + <i>Sự ô nhiễm nguồn nước.</i> + <i>Quá trình hình thành/xuất hiện.</i> + <i>Ảnh hưởng tới con người và tự nhiên.</i>	5, 6, 8
24	Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	+ <i>Ứng xử.</i> - <i>Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.</i>	

		- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi	
25	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. - Sử dụng đồ chơi, đồ dùng, điện, nước của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.	1, 5, 6
26	Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: "Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi".	- Sự thay đổi bất thường về thời tiết về thời tiết mùa xuân; Đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột. - Ảnh hưởng biến đổi khí hậu đến ngày tết; cuối mùa đông đầu mùa xuân không còn lạnh, nhiều ngày nắng dẫn đến hoa nở sớm, thời tiết những ngày nắng cũng dễ làm ôi thiu bánh chưng, giò và các đồ ăn khác.	8
27	Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.		
28	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của các hoạt động vui chơi, âm nhạc, tạo hình.	1
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
29	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: Bao nhiêu? Đây là mấy?...	- Trẻ biết đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.	3, 4, 5, 6, 7
30	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		
31	Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.		
32	Trẻ nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.		

33	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. - Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	3, 4, 5, 6, 7
34	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).	7
35	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.	3
36	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp.	6
37	Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.		
38	Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	1, 8, 9
39	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Trẻ nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	4
40	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (Phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	2
41	Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Gọi tên các thứ trong tuần. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.	9
c. Khám phá xã hội			
42	Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản	2

	thân khi được hỏi, trò chuyện.	thân và vị trí của trẻ trong gia đình. <i>- Sự giống và khác nhau giữa mọi người về đặc điểm về hình dáng bên ngoài, sở thích, tính cách.</i> <i>- Tất cả mọi người (dù họ là ai, giới tính là gì, có sở thích, khả năng như thế nào) đều cần được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ.</i> <i>- Tìm hiểu để nhận ra một số cách ứng xử không công bằng với bạn trai và bạn gái.</i> <i>- Khám phá các đặc điểm giống và khác nhau của bạn trai và bạn gái, các khả năng, nhu cầu giống nhau của bạn trai – bạn gái.</i> <i>- Tìm hiểu về các bộ phận trên cơ thể; biết được đâu là chỗ/khu vực (vùng riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm.</i>	
43	Trẻ biết nói tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình.	3
44	Trẻ biết nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)..... khi được hỏi, trò chuyện.	Địa chỉ gia đình. <i>- Hoạt động sinh hoạt của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường, hạn chế biến đổi khí hậu.</i> <i>- Hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình.</i>	
45	Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; Công việc của các cô bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1
46	Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	<i>- Tên gọi, địa điểm trường mầm non.</i> <i>- Những thiên tai thường xảy ra ở khu vực trường.</i>	
47	Trẻ biết nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	<i>- Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai.</i> <i>- Khu vực an toàn/ nơi sơ tán gần trường học nhất.</i> <i>- Bảo vệ môi trường, cảnh quan</i>	

		<i>của nhà trường.</i>	
48	Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói "Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - <i>Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào các công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ, cứu nạn.</i> - <i>Một số nghề khác có mối quan hệ giữa hoạt động nghề nghiệp đối với môi trường (khai thác tài nguyên, sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, nước thải, khí thải của hoạt động sản xuất, sử dụng hóa chất, thuốc kích thích tăng trưởng....là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, dẫn đến sự biến đổi khí hậu và thiên tai gia tăng).</i> - <i>Giáo viên tạo ra sự đa dạng trong hình mẫu, ví dụ... về các mối quan hệ xã hội, ngành nghề...của các cộng đồng của trẻ ở các vùng văn hóa, dân tộc khác nhau.</i>	3, 4
49	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: "Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên..."	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. - Khám phá bản đồ Việt Nam, khí hậu vùng miền (Đồng bằng: ngập úng, lũ lụt. Miền núi: sạt lở đất, xói mòn).	1, 2, 4, 6, 9
50	Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.		
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
51	Trẻ biết thực hiện các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	7

	bằng chữ cái H đứng sang bên trái".		
52	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...).	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - <i>Đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi phù hợp với tình huống trong giao tiếp.</i>	4
53	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	7
54	Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - <i>Trẻ sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp bằng lời nói để xây dựng mối quan hệ với giáo viên và người lớn;</i> - <i>Bất cứ khi nào có thể, trẻ em cũng được tạo cơ hội để sử dụng và học (các) tiếng mẹ đẻ của chính mình. Nhà trường, GV có trách nhiệm chính trong việc phối hợp với gia đình để bảo tồn và phát triển (các) ngôn ngữ mẹ đẻ và văn hóa của trẻ.</i>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
55	Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, ... phù hợp với ngữ cảnh.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Đặt các câu hỏi: Tại Sao? Như thế nào? Làm bằng gì? - <i>Bày tỏ nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ một cách phù hợp trong các mối quan hệ (VD thể hiện bằng ngôn ngữ lời nói: con muốn, con mong được...).</i>	4
56	Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - <i>Trẻ được tôn trọng, lắng nghe ngữ điệu riêng, phát âm đặc trưng của trẻ...</i>	5

57	Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao? Có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?	8
58	Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
59	Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	9
60	Trẻ biết đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Kể lại sự việc theo trình tự	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
61	Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Đóng kịch.	
62	Trẻ biết sử dụng các từ: Cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	1, 7
63	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	<i>- Học cách tuân thủ các quy tắc thể hiện văn hóa trong giao tiếp: Sử dụng đại từ nhân xưng; sử dụng từ, câu biểu thị lịch sự, lễ phép; lắng nghe; khởi xướng; luân phiên; điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống giao tiếp.</i>	
64	Trẻ biết chọn sách để "đọc" và xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. <i>- Xem sách, trò chuyện; lắng nghe và trao đổi phù hợp với người đối thoại.</i>	4
65	Trẻ biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Làm quen với cách đọc và viết Tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. + Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. + "Đọc" truyện qua các tranh vẽ. + Giữ gìn, bảo vệ sách.	7
66	Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà	

	nguy hiểm, lối ra-vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...).	4
67	Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt.	- Nhận dạng các chữ cái.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
68	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - <i>Tôn trọng cách truyền đạt ý tưởng và thông tin bằng nhiều cách khác nhau như: vẽ, đánh dấu, ký hiệu, ảnh, video, công cụ kỹ thuật số và viết với cách viết thông thường hoặc theo cách của mình.</i>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội			
69	Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.	2
70	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. - <i>Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.</i>	
71	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...). - <i>Cách thể hiện trách nhiệm của bản thân qua các hoạt động và cách làm việc trong nhóm.</i>	1
72	Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. - <i>Trẻ em nhận thức được mình ở đâu trong mỗi hoàn cảnh/tình huống và tôn trọng ranh giới cá nhân.</i>	3
73	Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- <i>Yêu thương bản thân; tự hào, trân trọng về cơ thể của mình và của người khác.</i>	
74	Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - <i>Cách mà mỗi thành viên trong gia đình, cộng đồng (trường/lớp/địa phương) có thể</i>	2
75	Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.		

		giúp đỡ nhau, mang lại niềm vui cho nhau.	
76	Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	2
77	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	7
78	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Mọi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	3
79	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi, làm việc...).	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	9
80	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Khi đi du lịch, bé cần có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra.	
81	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.		
82	Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai. - Khu vực an toàn/ nơi sơ tán gần trường học nhất.	8
83	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	4
84	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.		
85	Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	1, 2, 3,
86	Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.	

87	Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” – “xấu” - <i>Học cách thảo thuận, thương lượng và giải quyết xung đột/mâu thuẫn với người khác một cách lịch sự dựa trên sự tôn trọng.</i> - <i>Cởi mở, tôn trọng, đoàn kết và trách nhiệm.</i>	4, 5, 6, 7, 8, 9
88	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.	5, 6
89	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - <i>Tôn trọng con người, sự vật và học cách sinh sống một cách hài hòa, bảo vệ thiên nhiên xung quanh.</i> - <i>Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường.</i>	5
90	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).		
91	Trẻ tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước.	8
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
92	Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt trước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	9
93	Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- <i>Mọi trẻ (không kể về giới tính, nguồn gốc, thành phần dân tộc...) đều có thể tham gia vào hoạt động nghệ thuật theo sở thích của bản thân và tạo ra sản phẩm nghệ thuật (tạo hình, âm nhạc, kịch...) theo cảm nhận của riêng mình, như là một cách để trẻ thể hiện cảm xúc và ý tưởng của bản thân. Tất cả những người khác đều phải học cách tôn trọng sở thích của nhau.</i>	
94	Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục....) của các tác phẩm tạo hình.		
95	Trẻ biết hát đúng giai điệu,	- Nghe và nhận biết các thể loại âm	

	lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ, cử chỉ...	nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
96	Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	
97	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. - Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. - Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. - Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối. - Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. - Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục. - <i>Mỗi trẻ đều được khuyến khích để tạo ra các sản phẩm tạo hình, âm nhạc, nghệ thuật theo khả năng và sự sáng tạo của bản thân, như là một cách để thể hiện bản thân mỗi đứa trẻ.</i> - <i>Bộc lộ cảm xúc, thái độ chân thực trước cái đẹp và sản phẩm nghệ thuật.</i> - Thực hiện dự án STEAM.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
98	Trẻ biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	8
99	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	2

		- Trẻ em có cơ hội “thử nghiệm” nhiều hoạt động thẩm mỹ nhất có thể đối với lứa tuổi của mình và các em phải được thường xuyên chọn hoạt động thẩm mỹ mà các em yêu thích nhất.	
100	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	7
101	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	9

**DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ
(MẪU GIÁO 5-6 TUỔI)**

Thời gian (Tháng, từ ngày 08/09/2025 đến ngày 22/05/2026)	S T T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ hội	Điều chỉnh bổ sung
(4 tuần) 08/9/2025 – 3/10/2025 08/09/2025 - 12/09/2025	1	Trường mầm non thân yêu của bé	Trường mầm non của bé	1		
15/09/2025 - 19/09/2025			Một số hoạt động trong trường mầm non.	1		
22/09/2025 - 26/09/2025			Lớp học của bé.	1		
29/09/2025 - 03/10/2025			Đồ dùng, đồ chơi của lớp.	1		
(4 tuần) 6/10/2025 - 31/10/2025 06/10/2025 - 10/10/2025	2	Bản thân	Bé vui tết trung thu .	1	Tết trung thu, Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	
13/10/2025 - 17/10/2025			Tôi là ai.	1		
20/10/2025 - 24/10/2025			Cơ thể của tôi.	1		
27/10/2025 - 31/10/2025			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	1		
(4 tuần) 3/11/2025 - 28/11/2025 03/11/2025 - 07/11/2025	3	Gia đình	Gia đình của bé.	1	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	
10/11/2025 - 14/11/2025			Ngôi nhà của bé.	1		
17/11/2025 - 21/11/2025			Ngày hội của cô giáo .	1		
24/11/2025 - 28/11/2025			Đồ dùng ăn uống trong gia đình.	1		
(4 tuần) 1/12/2025 - 26/12/2025 01/12/2025 - 05/12/2025	4	Nghề nghiep	Nghề xây dựng.	1	Ngày quân đội nhân dân Việt Nam	
08/12/2025 - 12/12/2025			Nghề y tế.	1		
15/12/2025 - 19/12/2025			Nghề sản xuất .	1		
22/12/2025 - 26/12/2025			Nghề bộ đội, công an.	1		
29/12/2025 – 02/01/2026			Nghỉ tết dương lịch			

			(không soạn giảng), tổ chức các hoạt động khác.			
(4 tuần) 5/01/2026 – 30/01/2026 05/01/2026 - 09/01/2026	5	Thế giới động vật	Động vật nuôi trong gia đình	1	Kết thúc học kỳ I, bắt đầu học học kỳ II	
12/01/2026 – 16/01/2026			Động vật sống trong rừng	1		
19/01/2026 – 23/01/2026			Động vật sống dưới nước	1		
26/01/2026 – 30/01/2026			Một số loại chim và côn trùng	1		
(5 tuần) 02/02/2026 – 13/03/2026 02/02/2026 - 06/02/2026	6	Thế giới thực vật, tết và mùa xuân	Cây xanh quanh bé	1	Ngày tết nguyên đán	
09/02/2026 - 13/02/2026			Mùa xuân, tết nguyên đán	1		
16/02/2026 - 20/02/2026			Nghỉ tết nguyên đán (không soạn giảng)			
23/02/2026 - 27/02/2026			Những loại hoa đẹp	1		
02/03/2026 - 06/03/2026			Ngày hội 8/3	1		
09/03/2026 - 13/03/2026			Một số loại rau, củ, quả	1		
(4 tuần) 16/3/2026 – 10/4/2026 16/03/2026 - 20/03/2026	7	Phương tiện và luật giao thông	Phương tiện giao thông đường bộ	1		
23/03/2026 - 27/03/2026			Phương tiện giao thông đường thủy	1		
30/3/2026 - 03/04/2026			Phương tiện giao thông đường không	1		
06/04/2026 - 10/04/2026			Luật giao thông	1		
(3 tuần) 13/4/2026 – 01/5/2026 13/04/2026 - 17/04/2026		Nước và các	Nước.	1	Giải phóng	

20/04/2026 – 24/04/2026	8	hiện tượng tự nhiên.	Các hiện tượng tự nhiên.	1	miền nam, quốc tế lao động	
27/04/2026 - 01/05/2026			Các mùa trong năm.	1		
(3 tuần) 04/5/2026 – 22/5/2026	9	Quê hương, đất nước, Bác Hồ, Trường tiểu học	Quê hương, đất nước.	1		
04/05/2026 - 08/05/2026			Bác Hồ với các cháu thiếu nhi.	1		
11/05/2026 - 15/05/2026			Trường tiểu học.	1		
18/05/2026 - 22/05/2026				35 tuần		

GIÁO VIÊN

TỔ TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Tâm